

Bản án số: 38/2024/DS-ST

Ngày: 05-8-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Lưu Thị Hùng

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà Vành Si Tha

2. Bà Châu Thanh Nguyên

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Văn Việt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thái Hoà, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 313/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ A, khóm E, TT T, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt);

2. Bị đơn: Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1992; địa chỉ: Số A, K, Khóm T, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Huỳnh Thị N trình bày:

Vào ngày 01/01/2022, bà N có cho bà L vay số tiền 50.000.000 đồng, có thoả thuận lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay từ ngày 01/01/2022 đến ngày 01/01/2023 sẽ trả và có lập Giấy cho vay tiền cùng ngày nhưng không thực hiện đúng thoả thuận và chưa thực hiện trả tiền vốn lãi lần nào. Bà N yêu cầu bà L phải trả số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày

01/01/2022 cho đến ngày xét xử, trường hợp phát sinh số ngày lẻ trong tháng bà N chỉ yêu cầu tính lãi tròn số tháng không yêu cầu tính số ngày lẻ phát sinh.

Bị đơn Nguyễn Thị Thúy L vắng mặt trong suốt quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án và tại phiên tòa không ghi nhận được ý kiến trình bày, Tòa án không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu:

Về tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự, xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền thụ lý và lập hồ sơ vụ án đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 204 Bộ luật Tố tụng Dân sự; xác định tư cách đương sự đúng quy định tại Điều 68, thu thập đánh giá chứng cứ đúng quy định tại các điều 93, 97 Bộ luật tố tụng Dân sự, trình tự lập hồ sơ, giao nhận văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đương sự nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, riêng bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền lợi và nghĩa vụ của bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Theo giấy cho vay tiền ngày 01/01/2022 nguyên đơn và bị đơn có xác lập Hợp đồng vay tài sản, theo đó nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 50.000.000 đồng, hạn trả vốn gốc là ngày 01/01/2023, có thoả thuận phương thức thanh toán là 3.000.000 đồng vào ngày 01 hàng tháng nguyên đơn đã giao đủ tiền cho bị đơn nhưng bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn. Dù xác định hợp đồng vay tiền của nguyên đơn và bị đơn xác lập có thoả thuận lãi là 06%/tháng (tức 72%/năm) mức lãi suất thoả thuận là cao hơn quy định pháp luật lẽ ra phải điều chỉnh lại cho đúng nhưng quá trình vay bị đơn chưa đóng lãi kỳ nào nên không xem xét. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng không cung cấp lời khai và chứng cứ phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày vay 01/01/2022 là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1 Về tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ngày 06 tháng 12 năm 2023 bà Huỳnh Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy L có địa chỉ tại khóm T, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang thanh toán số tiền vay và tiền lãi phát sinh. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Tri Tôn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn **Nguyễn Thị Thúy L** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2024/QĐST-DS ngày 19/7/2024 và mở lại phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn tiếp tục vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2.1] Về quyền khởi kiện:

Vào ngày 01/01/2022 nguyên đơn cho bị đơn vay tiền theo Giấy cho vay tiền ngày 01/01/2022 với số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn thanh toán gốc là ngày 01/01/2023, lãi suất có thỏa thuận nhưng không ghi rõ về mức lãi chỉ thể hiện ở mục phương thức thanh toán là 3.000.000 đồng, thời điểm thanh toán là ngày 01 tây hàng tháng.

Xét thấy, khi thực hiện hợp đồng vay tài sản các bên có lập văn bản thể hiện việc vay tiền và lãi suất, thỏa thuận thời hạn kết thúc hợp đồng. Bên cho vay đã thực hiện nghĩa vụ giao đầy đủ số tiền vay là 50.000.000 đồng cho bị đơn nhưng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền vay và lãi nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay và lãi là có cơ sở. Ngày 11/4/2024 nguyên đơn đã có đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu tính lãi suất theo mức 10%/năm nhưng tại phiên tòa nguyên đơn xác định vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện khởi kiện ban đầu tính lãi suất theo quy định pháp luật là 20%/năm, đây là quyền quyết định tự định đoạt của đương sự phù hợp với quy định tại Điều 5 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Theo hợp đồng vay các bên có thỏa thuận cho vay và có lãi nhưng ngoài lời trình bày của nguyên đơn là lãi suất 3%/tháng thì xem đối chiếu Giấy cho vay tiền tại mục lãi suất cho vay bỏ trống, nhưng theo dòng cam kết thể hiện trong giấy cho vay tiền của bị đơn vẫn thừa nhận có lãi nhưng không thể hiện cụ thể mức lãi đủ cơ sở xác định là Hợp đồng vay có lãi và bị đơn vắng mặt không tranh chấp về lãi suất, căn cứ nội dung thể hiện theo giấy cho vay tiền ngày 01/01/2022, hạn trả vốn gốc là ngày 01/01/2023, phương thức thanh toán là 3.000.000 đồng vào ngày 01 hàng tháng có cơ sở xác định số tiền 3.000.000 đồng phải thanh toán hàng tháng là tiền lãi tính theo số tiền vay 50.000.000 đồng thì mức lãi là 06%/tháng (tức 72%/năm) cao hơn quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự cần điều chỉnh lại cho phù hợp với Điều 468 Bộ luật Dân sự (lãi suất 20%/năm) tính từ ngày vay.

[3] Xét về hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, các chủ thể tham gia có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự phù hợp, nên có hiệu lực làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ với nhau khi tham gia giao dịch. Nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ giao cho bị đơn đủ số tiền 50.000.000 đồng, nhưng bị đơn chưa

thực hiện đúng nghĩa vụ hoàn trả tiền vay cho nguyên đơn. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn **Nguyễn Thị Thúy L** phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vay 50.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày vay 01/01/2022 đến ngày 05/8/2024 là 31 tháng 04 ngày, tính tròn 31 tháng với số tiền lãi là $(50.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm}/12) \times 31 \text{ tháng} = 25.833.332 \text{ đồng}$. Tổng cộng vốn lãi là $(50.000.000 + 25.833.332 = 75.833.332 \text{ đồng})$. Tính tròn là 75.833.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu, tám trăm ba mươi ba ngàn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức án phí có giá ngạch là 5% của số tiền 75.833.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; Điều a Khoản 1 Điều 35; Điều a Khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463, 466, 468, Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015;

Điều b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Huỳnh Thị N** đối với bị đơn **Nguyễn Thị Thúy L**.

Buộc bà **Nguyễn Thị Thúy L** phải trả cho bà **Huỳnh Thị N** số tiền 75.833.000 đồng (bảy mươi lăm triệu, tám trăm ba mươi ba ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bà **Nguyễn Thị Thúy L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 3.792.000 đồng (ba triệu bảy trăm chín mươi hai ngàn đồng).

Bà **Huỳnh Thị N** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà **N** số tiền tạm ứng án phí 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0012125 ngày 06/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hùng

